

THÔNG BÁO
Về việc niêm yết công khai quyết toán thu chi
các khoản thu ngoài ngân sách và khoản thu hộ, chi hộ
Năm học 2022-2023

Căn cứ Điều lệ trường tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ban hành ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Công văn số 551/SGDĐT ngày 17/3/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn công khai đối với các cơ sở giáo dục; Công văn số 279/GDĐT ngày 18/8/2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Tiên Lãng về việc triển khai thực hiện công tác công khai trong trường học năm học 2022-2023.

Căn cứ Quyết định số 37/QĐ-THBH ngày 29/6/2023 của Trường Tiểu học Bắc Hưng về việc công khai quyết toán thu chi các khoản thu ngoài ngân sách và khoản thu hộ, chi hộ năm học 2022-2023 của trường Tiểu học Bắc Hưng,

Trường Tiểu học Bắc Hưng thông báo về việc niêm yết Công khai quyết toán thu chi các khoản thu ngoài ngân sách và khoản thu hộ, chi hộ năm học 2022-2023 như sau:

1. Bộ phận thực hiện niêm yết công khai: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, Thanh tra nhân dân, TKHĐ trường.
2. Địa điểm niêm yết: Phòng Hội đồng, bảng tin trường Tiểu học Bắc Hưng, Website: thbachung.haiphong.edu.vn .
3. Thời gian niêm yết: Từ ngày 30 tháng 6 năm 2023 đến hết ngày 29 tháng 7 năm 2023.
4. Thời gian nhận ý kiến phản hồi: Từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 28 tháng 7 năm 2023.
5. Địa chỉ nhận ý kiến phản hồi: Trực tiếp cho bộ phận thực hiện công khai hoặc qua hòm thư của nhà trường. (Địa chỉ: thbachung@gmail.com)
6. Thời gian trả lời, giải quyết ý kiến thắc mắc: chậm nhất là 05/8/2023.

Nơi nhận

- Các tổ CM,VP;
- Website: thbachung.haiphong.edu.vn;
- Lưu VT.



Số: 37/QĐ-THBH

Bắc Hưng, ngày 29 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai quyết toán thu chi các khoản thu ngoài ngân sách
và khoản thu hộ, chi hộ
Năm học 2023-2024**

Căn cứ Điều lệ trường tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ban hành ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Công văn số 551/SGDDT ngày 17/3/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn công khai đối với các cơ sở giáo dục; Công văn số 279/GDDT ngày 18/8/2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Tiên Lãng về việc triển khai thực hiện công tác công khai trong trường học năm học 2022-2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai quyết toán thu chi các khoản thu ngoài ngân sách và khoản thu hộ, chi hộ năm học 2022-2023.

Điều 2. Thời gian công khai: Từ ngày 30 tháng 6 năm 2023 đến hết ngày 29 tháng 7 năm 2023.

Điều 3. Các ông (bà) Phó hiệu trưởng, Ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai và các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu :VT.



Đoàn Thị Bích Liên

THÔNG BÁO
Báo cáo quyết toán kinh phí, năm học 2022-2023

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
I	CÁC KHOẢN THU, CHI NGOÀI NGÂN SÁCH VÀ KHOẢN THU HỘ, CHI HỘ		
I	Số thu phí, lệ phí		
1	Học phí (nếu có)		
1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
1.2	Mức thu		
1.3	Tổng số thu trong năm		
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾		
1.6	Số chi trong năm		
	Trong đó: - Bổ sung chi lương		
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất		
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn		
	- Chi khác		
1.7	Số dư cuối năm		
1.8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT và CSGD chuyên biệt; cả khóa học đối với GDTX)		
2	Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có) <i>(Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)</i>		
2.1	Quản lý HS ngoài giờ		
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	1.253.758	
2.1.2	Mức thu 7.000đ/tiết/HS		
2.1.3	Tổng số thu trong năm	560.823.000	
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	562.076.758	
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁴⁾	560.823.000	
2.1.6	Số chi trong năm	562.076.758	
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	392.576.100	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	27.609.766	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	89.731.680	
	- Chi phúc lợi	25.467.010	
	- Chi khác	1.441.804	
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	25.250.398	
2.1.7	Số dư cuối năm	0	
		
3	Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)		
3.1		
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
3.1.2	Tổng số thu trong năm		
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾		
3.1.5	Số chi trong năm		
	Trong đó: -		
	-		
	-		
3.1.6	Số dư cuối năm		

¹ Đối với đơn vị công lập phải gửi vào kho bạc nhà nước.

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
		
4.1.	Trông coi xe		
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	671.244	
4.1.2	Mức thu 20.000đ/xe/HS		
4.1.3	Tổng số thu trong năm	16.000.000	
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	16.671.244	
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁴⁾	16.000.000	
4.1.6	Số chi trong năm	16.671.244	
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	11.200.000	
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	2.200.000	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	1.669.728	
	- Chi phúc lợi		
	- Chi quản lý	1.600.000	
	- Chi khác	1.516	
4.1.7	Số dư cuối năm	0	
4.2.	Trực trưa bán trú		
4.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
4.2.2	Mức thu 110.000đ/tháng/HS		
4.2.3	Tổng số thu trong năm	167.667.000	
4.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	167.667.000	
4.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁴⁾	167.667.000	
4.2.6	Số chi trong năm	167.667.000	
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	119.734.100	
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	2.970.550	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất		
	- Chi phúc lợi, chi khác	14.782.290	
	- Chi quản lý	30.180.060	
4.1.7	Số dư cuối năm	0	
5	Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học...(Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây		
5.1	Kỹ năng sống		
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	1.441.000	
5.1.2	Mức thu 10.000/tiết/HS		
5.1.3	Tổng số thu trong năm	134.870.000	
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	136.311.000	
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁴⁾	134.870.000	
5.1.6	Số chi trong năm	136.311.000	
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy....	120.761.400	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	560.266	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo.....	10.573.808	
	- Chi phúc lợi	1.110.046	
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	3.305.480	
5.1.7	Số dư cuối năm	0	
5.2	Tiếng anh phonise		
5.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
5.2.2	Mức thu 60.000/tháng/HS		
5.2.3	Tổng số thu trong năm	99.870.000	
5.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	99.870.000	
5.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁴⁾	99.870.000	
5.2.6	Số chi trong năm	99.870.000	
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy....	79.896.000	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo.....	14.843.700	

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	3.105.607	
	- Chi khác:.....	77.000	
5.2.7	Số dư cuối năm	1.947.693	
		
5.3	Tiếng anh có yếu tố với người nước ngoài		
5.3.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
5.3.2	Mức thu 35.000đ/tiết/HS		
5.3.3	Tổng số thu trong năm	465.255.000	
5.3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	465.255.000	
5.3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁴⁾	465.255.000	
5.3.6	Số chi trong năm	465.255.000	
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy....	395.466.750	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	1.920.240	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo.....	31.265.136	
	- Chi-phúc lợi	3.772.944	
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	6.031.242	
	- Chi khác	26.798.688	
5.3.7	Số dư cuối năm	0	
		
6	Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn, Đội, đồng phục, sách vở, (Nếu có: Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)		
6.1	BHYT		
6.1.1	Số học sinh	594	
6.1.2	Mức thu 563.220 - 610.155 - 657.090 - 704.025		
6.1.3	Tổng thu	322.068.750	
6.1.4	Đã chi	322.068.750	
6.1.5	Dư	0	
6.2	Đoàn đội		
6.2.1	Số học sinh	594	
6.2.2	Mức thu 45.000đ/hs		
6.2.3	Tổng thu	26.705.000	
6.2.4	Đã chi	26.705.000	
6.2.5	Dư	0	
6.3	CSVC bán trú ban đầu		
6.3.1	Số học sinh	223	
6.3.2	Mức thu 100.00-200.000đ/hs		
6.3.3	Tổng thu	30.700.000	
6.3.4	Đã chi	30.700.000	
6.3.5	Dư	0	
6.4	Hỗ trợ CSVC học 2 buổi		
6.4.1	Số học sinh	593	
6.4.2	Mức thu 20.000đ/hs/tháng		
6.4.3	Tổng thu	106.660.000	
6.4.4	Đã chi	90.945.000	
6.4.5	Dư	15.715.000	
6.5	Nước uống		
6.5.1	Số học sinh	593	
6.5.2	Mức thu 10.000đ/hs		
6.5.3	Tổng thu	53.310.000	
6.5.4	Đã chi	53.310.000	
6.5.5	Dư	0	
6.6	Đồng phục		
6.6.1	Số học sinh	110	
6.6.2	Mức thu		

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
6.6.3	Tổng thu	39.810.000	
6.6.4	Đã chi	39.810.000	
6.6.5	Dư	0	
II	QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH		
1	Ngân sách nhà nước		
1.1	Ngân sách chi thường xuyên		
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang		
	- Dự toán được giao trong năm		
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm		
	+ Dự toán bổ sung trong năm		
	+ Kinh phí giảm trong năm		
	- Kinh phí thực nhận trong năm		
	- Kinh phí quyết toán		
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng vào quyết toán, bao gồm:		
	+ Kinh phí đã nhận		
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc		
1.2	Ngân sách chi không thường xuyên		
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang		
	Dự toán được giao trong năm		
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm		
	+ Dự toán bổ sung trong năm		
	+ Kinh phí giảm trong năm		
	- Kinh phí thực nhận trong năm		
	- Kinh phí quyết toán		
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng vào quyết toán, bao gồm:		
	+ Kinh phí đã nhận		
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc		
2	Tình hình thực hiện kiến nghị của cơ quan Kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính		
	Tổng số kinh phí phải nộp ngân sách		
	Tổng số kinh phí đã nộp ngân sách		
	Tổng số kinh phí còn phải nộp		
III	NỘI DUNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (Nếu có: Chi tiết từng nguồn)		
1	Học phí		
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm		
	Trong đó: - Trích lập các quỹ		
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	- Kinh phí cải cách tiền lương		
2	Học thêm		
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm		
	Trong đó: - Trích lập các quỹ		
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	- Kinh phí cải cách tiền lương		
3		
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm		
	Trong đó: - Trích lập các quỹ		
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	- Kinh phí cải cách tiền lương		

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
III	MỨC THU NHẬP HÀNG THÁNG		
1	Mức thu nhập của CBQL		
	Mức cao nhất (đ/người/năm)		
	Mức bình quân (đ/người/năm)		
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)		
2	Mức thu nhập của giáo viên		
	Mức cao nhất (đ/người/năm)		
	Mức bình quân (đ/người/năm)		
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)		
IV	MỨC CHI CHO HỌC SINH		
1	Mức chi thường xuyên/học sinh (đ/hs/năm học)		
2	Mức chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm thiết bị (đ/hs/năm học)		

Người lập
(Ký, ghi họ tên)

Phan Thị Oanh

Phan Thị Oanh

Bắc Hưng, ngày 29 tháng 6 năm 2023.

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Đoàn Thị Bích Liên